

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt hồ sơ đồ án Quy hoạch xây dựng vùng
huyện Đại Lộc giai đoạn đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 72/QĐ-TTg ngày 17/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 4137/QĐ-UBND ngày 24/11/2017 của UBND tỉnh về phê duyệt Nhiệm vụ và dự toán kinh phí lập Quy hoạch xây dựng vùng huyện Đại Lộc giai đoạn đến năm 2020 và năm 2030; Quyết định số 1906/QĐ-UBND ngày 14/8/2024 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc Phê duyệt cập nhật, bổ sung Quyết định 4137/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2017 của UBND tỉnh phê duyệt Nhiệm vụ và dự toán kinh phí lập Quy hoạch xây dựng vùng huyện Đại Lộc giai đoạn đến năm 2020 và năm 2030;

Căn cứ Thông báo số 938-TB/TU ngày 02/12/2024 của Tỉnh ủy kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại phiên họp ngày 28-29/11/2024;

Theo Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 15/7/2024 của HĐND huyện Đại Lộc về việc thông qua nội dung cập nhật, điều chỉnh, bổ sung đồ án Quy hoạch

xây dựng vùng huyện Đại Lộc giai đoạn đến năm 2030;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Đại Lộc tại Tờ trình số 328/TTr-UBND ngày 27/12/2024 của UBND huyện Đại Lộc về việc đề nghị thẩm định, phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Đại Lộc, giai đoạn đến năm 2030; các Báo cáo tổng hợp tiếp thu, giải trình của UBND huyện Đại Lộc: tiếp thu, giải trình ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Báo cáo số 711/BC-UBND ngày 18/12/2024; tiếp thu, giải trình ý kiến của Hội đồng thẩm định tại Báo cáo số 468/BC-UBND ngày 10/9/2024; tiếp thu, giải trình ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông vận tải tại Báo cáo số 398/BC-UBND ngày 12/8/2024; tiếp thu, giải trình ý kiến các phòng, ban của huyện Đại Lộc tại Báo cáo số 397/BC-UBND ngày 12/8/2024; tiếp thu, giải trình ý kiến của các Sở, ngành tại Báo cáo số 263/BC-UBND ngày 31/5/2024; Công văn số 491/UBND-KTHT ngày 21/01/2025 về việc xem xét, thẩm định phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Đại Lộc giai đoạn đến năm 2030.

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo số 46/BC-SXD ngày 22/01/2025, Tờ trình số 161/TTr-SXD ngày 31/12/2024 kèm theo Kết quả thẩm định số 12/ThĐ-SXD ngày 31/12/2024;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Đại Lộc giai đoạn đến năm 2030 với các nội dung sau:

1. Phạm vi ranh giới và quy mô lập quy hoạch

- Phạm vi ranh giới: toàn bộ địa giới hành chính huyện Đại Lộc; có ranh giới:
 - + Phía Đông: giáp thị xã Điện Bàn;
 - + Phía Tây: giáp huyện Nam Giang và huyện Đông Giang;
 - + Phía Nam: giáp huyện Duy Xuyên và huyện Nông Sơn (Quế Sơn mới);
 - + Phía Bắc: giáp thành phố Đà Nẵng.
- Quy mô lập quy hoạch: khoảng 579,06 km².

2. Tính chất

Là một trong những vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc Quảng Nam, tiếp giáp với thành phố Đà Nẵng, có vai trò quan trọng trong sự kết nối kinh tế Trung Trung Bộ với Tây Nguyên; phát triển nông nghiệp, dịch vụ và công nghiệp.

3. Mục tiêu của đồ án

- Cụ thể hóa quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050;
- Làm cơ sở lập quy hoạch xây dựng các khu chức năng, các quy hoạch chung xây dựng xã và quy hoạch chung các đô thị thuộc huyện; là cơ sở để lập dự án đầu tư xây dựng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật huyện; phục vụ công nhận huyện Đại Lộc đạt huyện Nông thôn mới năm 2025.

4. Tiềm năng và động lực phát triển

- Thuộc khu vực cụm động lực Điện Bàn – Hội An – Đại Lộc (là cực tăng trưởng phía Bắc của tỉnh, kết nối với các không gian kinh tế của thành phố Đà Nẵng. Hình thành chuỗi đô thị ven sông thông qua các tuyến đường bộ và hệ thống sông Vu Gia); phát triển hành lang du lịch dựa trên tuyến giao thông đường thủy.

- Có tuyến đường Quốc lộ 14B, đây là trục giao lưu với vùng kinh tế Tây Nguyên và Nam Lào; có các cụm công nghiệp phân bố nằm dọc tuyến Quốc lộ 14B có khả năng kết nối liên vùng; có di tích lịch sử, thắng cảnh đẹp để phát triển du lịch; lực lượng lao động dồi dào; quỹ đất nông, lâm nghiệp lớn thuận lợi cho phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, trồng rừng sản xuất, rừng gỗ lớn và chuyển đổi cơ cấu ngành nghề.

5. Các chỉ tiêu phát triển vùng

a) Dân số: đến năm 2030 đạt khoảng 188.300 người (dân số thường trú khoảng 165.600 người); trong đó, dân số đô thị khoảng 57.300 người (dân số thường trú khoảng 52.800 người).

b) Đô thị hóa: tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2030 đạt khoảng 31,9%.

c) Nhu cầu sử dụng đất: đến năm 2030 khoảng 32,96 km² gồm tổng diện tích tự nhiên của thị trấn Ái Nghĩa (khoảng 12,75 km²) và đô thị Đại Hiệp (khoảng 20,21 km²);

d) Kinh tế: dự báo cơ cấu giá trị các ngành kinh tế đến năm 2030: công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp – xây dựng chiếm 67%; các ngành dịch vụ chiếm 29%; nông – lâm nghiệp – thủy sản chiếm 4,0%;

e) Về bảo vệ môi trường, rủi ro biến động, thảm họa thiên nhiên: cần xác định và cảnh báo các vị trí, khu vực có nguy cơ cao về sạt lở đất vùng đồi núi, sườn dốc các tuyến giao thông; sạt lở bờ sông,...bảo vệ môi trường, kiểm soát, khắc phục ô nhiễm, cải thiện môi trường.

g) Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chính: được áp dụng theo Thông tư 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN: 01/2021/BXD; Thông tư số 15/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật QCVN 07:2023/BXD.

6. Định hướng phát triển không gian vùng

a) Phân vùng phát triển: chia thành 03 Vùng phát triển

- Tiểu vùng 1: gồm 06 xã (Đại Đồng, Đại Quang, Đại Nghĩa, Đại Hiệp, Đại Hoà, Đại An) và 01 thị trấn Ái Nghĩa. Là khu vực phát triển Công nghiệp - Thương mại - Dịch vụ; định hướng phát triển: (1) Phát triển đô thị (Ái Nghĩa đạt tiêu chí đô thị loại IV giai đoạn đến năm 2030, Đại Hiệp đạt tiêu chí đô thị loại V giai đoạn 2025 - 2030); (2) Phát triển công nghiệp: Đẩy mạnh phát triển các cụm công nghiệp, hình thành khu công nghiệp dựa trên các cụm công nghiệp hiện trạng; (3) Phát triển nông nghiệp: vùng chuyên canh nông nghiệp, nhất là lúa gạo; (4) Phát triển dịch vụ: tập trung nâng cấp các cơ sở vật chất thương mại của thị trấn Ái

Nghĩa và các khu vực lân cận. Trung tâm tiểu vùng: thị trấn Ái Nghĩa và đô thị mới Đại Hiệp.

- Tiểu vùng 2: gồm 05 xã (Đại Phong, Đại Minh, Đại Cường, Đại Thắng, Đại Tân). Là khu vực phát triển Nông nghiệp – Du lịch; định hướng phát triển: (1) Phát triển các trung tâm cụm xã (Đại Minh, Đại Thắng); (2) Phát triển du lịch gắn với nông nghiệp, cây trồng, du lịch làng quê gắn với sông nước trên sông Vu Gia, sông Thu Bồn; (3) Phát triển nông nghiệp: phát triển các chuỗi rau, hình thành vùng nông nghiệp an toàn thực phẩm nhằm cung cấp cho tiểu vùng 1 và thành phố Đà Nẵng. Trung tâm tiểu vùng: xã Đại Thắng và xã Đại Minh.

- Tiểu vùng 3: gồm 06 xã (Đại Lãnh, Đại Hồng, Đại Chánh, Đại Thanh, Đại Sơn, Đại Hưng). Là khu vực phát triển Lâm nghiệp – du lịch sinh thái; định hướng phát triển: (1) Phát triển du lịch: hình thành khu du lịch sinh thái các xã có sông suối khe, phát triển du lịch sinh thái, du lịch khám phá kết hợp với khu trồng rừng, rừng sinh thái, khu nghỉ dưỡng... du lịch làng quê kết hợp với du lịch sông nước. Hình thành sân golf tại khu vực núi Bằng Am; (2) Phát triển các chuỗi trồng cây hàng năm, cây ăn trái, hình thành vùng nông nghiệp an toàn thực phẩm nhằm cung cấp cho các huyện xung quanh; (3) Phát triển công nghiệp: hình thành các cụm công nghiệp tại xã Đại Sơn và Đại Chánh. Trung tâm tiểu vùng: xã Đại Lãnh.

b) Định hướng phát triển các không gian

* Khu vực phát triển đô thị: đến năm 2030, huyện Đại Lộc có 02 đô thị là thị trấn Ái Nghĩa và đô thị mới Đại Hiệp.

- Thị trấn Ái Nghĩa: đến năm 2030, thị trấn Ái Nghĩa phấn đấu đạt tiêu chí đô thị loại IV; diện tích khoảng 12,75 km², dân số khoảng 43.000 người; tính chất: là trung tâm tổng hợp, có vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của huyện; định hướng phát triển: đô thị Ái Nghĩa kết nối đô thị Đại Hiệp để phát triển về phía thành phố Đà Nẵng, trên cơ sở hình thành các khu công nghiệp dọc đường Quốc lộ 14B, tạo sức hút phát triển đô thị.

- Đô thị mới Đại Hiệp: giai đoạn 2025 - 2030, xã Đại Hiệp phấn đấu đạt tiêu chí đô thị loại V; diện tích khoảng 20,21 km², dân số khoảng 14.300 người; tính chất: là trung tâm công nghiệp thương mại dịch vụ và đô thị nhằm hình hành trực liên kết phát triển về phía thành phố Đà Nẵng, định hướng phát triển không gian đô thị về hướng Đông Bắc (giáp thành phố Đà Nẵng), tập trung phát triển thương mại dịch vụ và phát triển công nghiệp.

** Khu vực nông thôn

- Huyện Đại Lộc hiện nay có 17 đơn vị hành chính cấp xã tại khu vực nông thôn.

- Về định hướng phát triển các trung tâm cụm xã và trung tâm xã:

+ Trung tâm cụm xã: phát triển 03 khu vực trung tâm cụm xã (1) Trung tâm cụm xã Đại Thắng; (2) Trung tâm cụm xã Đại Minh; (3) Trung tâm cụm xã Đại Đồng.

+ Trung tâm xã: phát triển khu trung tâm các xã còn lại theo quy hoạch chi

tiết trung tâm xã được phê duyệt.

***** Khu chức năng**

Huyện Đại Lộc có định hướng các khu công nghiệp và cụm công nghiệp, cụ thể:

- Khu công nghiệp: gồm 02 Khu công nghiệp;
- Cụm công nghiệp: gồm 18 cụm công nghiệp.

Stt	Tên khu, CCN	Quy mô dự kiến (ha)	Địa điểm dự kiến
A	Khu Công Nghiệp		
1	Khu công nghiệp Đại Lộc	600	xã Đại Quang, xã Đại Đồng
2	Khu công nghiệp Đại Sơn	300	xã Đại Sơn
B	Các Cụm công nghiệp		
1	Cụm công nghiệp Mỹ An	20	xã Đại Quang
2	Cụm công nghiệp Đại Đồng 1	20	xã Đại Đồng
3	Cụm công nghiệp Đại Đồng 2	49,35	xã Đại Đồng
4	Cụm công nghiệp Đại An	75	xã Đại Nghĩa
5	Cụm công nghiệp Đại Hiệp	50	xã Đại Hiệp
6	Cụm công nghiệp Đại Nghĩa 2	25	xã Đại Nghĩa
7	Cụm công nghiệp Đại Quang 2	55	xã Đại Quang
8	Cụm công nghiệp Đại Chánh 2	42,51	xã Đại Tân
9	Cụm công nghiệp Ấp 5	20,5	xã Đại Nghĩa
10	Cụm công nghiệp Mỹ An 2	30	xã Đại Quang
11	Cụm công nghiệp Đông Phú	53,3	xã Đại Hiệp
12	Cụm công nghiệp Đại Nghĩa 1	13,07	xã Đại Nghĩa
13	Cụm công nghiệp Đại Tân 1	20	xã Đại Tân
14	Cụm công nghiệp Đại Tân 2	20	xã Đại Tân
15	Cụm công nghiệp Đại Phong 1	20	xã Đại Phong
16	Cụm công nghiệp Đại Phong 2	20	xã Đại Phong
17	Cụm công nghiệp Đại Sơn	20	xã Đại Sơn
18	Cụm công nghiệp Tích Phú	30	xã Đại Hiệp

(Về tên gọi, vị trí, quy mô diện tích và phạm vi ranh giới các khu, cụm công nghiệp sẽ được xác định cụ thể trong quá trình triển khai các bước tiếp theo).

******** Định hướng các khu vực phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và cơ sở kinh tế - kỹ thuật khác

- Khu vực phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp:

+ Định hướng phát triển sản xuất thành 03 vùng, như sau:

(1) Vùng 1: vùng Đông Phát triển chuỗi nông nghiệp với các loại cây trồng chủ yếu là rau sạch (Đại An, Đại Hoà...), hình thành vùng nông nghiệp an toàn

với các vùng nuôi trồng thủy sản chất lượng cao tại sông Thu Bồn cung cấp cho các dịch vụ nghỉ dưỡng ven biển. Không bố trí chăn nuôi tập trung.

(2) Vùng 2: vùng Nam phát triển vùng chuyên canh nông nghiệp đặc biệt là phát triển vùng lúa gạo chuyên canh (Đại Cường, Đại Thắng, Đại Tân...). Phát triển lâm nghiệp theo hướng cây trồng cảnh quan. Hạn chế bố trí chăn nuôi tập trung.

(3) Vùng 3: vùng phía Tây, phát triển rừng, kinh tế vườn đồi, kinh tế trang trại theo mô hình kinh tế nông lâm kết hợp. Khai thác thế mạnh về rừng trồng sản xuất trồng các loại cây nguyên liệu như Cao su, cây gỗ lớn, nguyên liệu giấy, các loại cây dược liệu. Phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung (hạn chế nuôi heo).

Stt	Điểm chăn nuôi tập trung chính	Địa điểm
CNTT	Khu chăn nuôi tập trung	
1	Chăn nuôi tập trung tại Đại Hoà (1 điểm)	Xã Đại Hoà
2	Chăn nuôi tập trung tại Đại An (1 điểm)	Xã Đại An
3	Chăn nuôi tập trung tại Đại Nghĩa (1 điểm)	Xã Đại Nghĩa
4	Chăn nuôi tập trung Đại Lãnh (2 điểm)	Xã Đại Lãnh
5	Chăn nuôi tập trung Đại Sơn (1 điểm)	Xã Đại Sơn
6	Chăn nuôi tập trung xã Đại Chánh (1 điểm)	Xã Đại Chánh

+ Nông nghiệp tại đô thị: trong phạm vi diện tích tự nhiên của mỗi đô thị cần quy hoạch các khu nông nghiệp đô thị, ưu tiên tập trung phát triển tại khu vực xung quanh đô thị Ái Nghĩa, đô thị Đại Hiệp và các điểm dân cư tập trung chính.

+ Nông nghiệp công nghệ cao: quy hoạch các khu vực nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại các khu vực có cánh đồng và thổ nhưỡng phù hợp như Đại An, Đại Hoà, Đại Cường, dọc sông Vu Gia, sông Thu Bồn...

- Khu vực di tích lịch sử - văn hoá: phát triển các hệ sinh thái tự nhiên xung quanh các di tích, danh lam thắng cảnh. Cần có giải pháp nâng cao đời sống và nhận thức của người dân bảo vệ cảnh quan tự nhiên của các di tích lịch sử. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, tôn tạo, tu bổ các khu di tích lịch sử - văn hóa nhằm lồng ghép với phát triển các điểm du lịch văn hóa tại địa phương, các làng nghề truyền thống.

- Khu vực danh lam thắng cảnh, du lịch: định hướng phát triển 02 loại hình du lịch là: du lịch sinh thái theo các tuyến sông, suối, khe hồ và du lịch làng nghề truyền thống kết hợp với du lịch lễ hội, các khu vực nông nghiệp trồng cây ăn quả, gồm 13 điểm, khu vực du lịch với tổng diện tích khoảng 836 ha, như sau:

STT	Điểm du lịch	Địa Điểm dự kiến
1	Điểm du lịch hồ Trà Cân	Xã Đại Hiệp
2	Điểm du lịch sinh thái Vũng Thùng	Xã Đại Nghĩa
3	Điểm du lịch sinh thái	Xã Đại Nghĩa

STT	Điểm du lịch	Địa Điểm dự kiến
4	Điểm du lịch suối Mơ	Xã Đại Quang, Đại Đồng
5	Điểm du lịch suối Xanh	Xã Đại Đồng
6	Điểm du lịch sông Cùng	Xã Đại Lãnh
7	Điểm du lịch Thái Chấn Sơn	Xã Đại Hưng
8	Điểm du lịch Thác Cạn	Xã Đại Sơn
9	Điểm du lịch Thôn Đồng Chàm	Xã Đại Sơn
10	Điểm du lịch khe Hoa	Xã Đại Sơn
11	Khu vực du lịch và đô thị phức hợp Bằng Am	Xã Đại Hồng
12	Khu vực du lịch khe Lim	Xã Đại Hồng
13	Khu vực du lịch hồ khe Tân	Xã Đại Chánh - Đại Thạnh

(Về tên gọi, vị trí, quy mô diện tích và phạm vi ranh giới các điểm, khu vực du lịch sẽ được xác định cụ thể trong quá trình triển khai các bước tiếp theo).

******* Tổ chức phân bổ hệ thống trung tâm**

(1) Hành chính: thị trấn Ái Nghĩa là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế và văn hóa của huyện Đại Lộc, có vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của huyện Đại Lộc; còn lại là trung tâm hành chính cấp xã (trong đó giai đoạn 2025-2030 dự kiến phát triển trung tâm đô thị Đại Hiệp đạt tiêu chí đô thị loại V);

(2) Thương mại – dịch vụ: chợ Ái Nghĩa là chợ hiện trạng được nâng cấp mở rộng, đề xuất thêm chợ đầu mối nông sản huyện Đại Lộc. Xây dựng mới Trung tâm mua sắm Lâm Tây và Trung tâm mua sắm Phú Quý; trung tâm thương mại ngã tư Ái Nghĩa; các siêu thị: Ái Nghĩa; Đại Tân

(3) Văn hóa thể dục thể thao cấp huyện: Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh khu thể dục thể thao cấp huyện tại đô thị Ái Nghĩa và mở rộng nhà thi đấu tại xã Đại Nghĩa. Đầu tư trung tâm văn hoá thể dục thể thao tại trung tâm thị trấn Ái Nghĩa. Hình thành sân golf tại khu vực núi Bằng Am và lân cận.

(4) Giáo dục, đào tạo: Tiếp tục xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục đạt trường chuẩn quốc gia. Quy hoạch cơ sở giáo dục nghề nghiệp huyện Đại Lộc (thị trấn Ái Nghĩa) 0,60 ha.

(5) Y tế: Đầu tư nâng cấp Trung tâm y tế huyện, nâng cấp phòng khám Đa Khoa tại thị trấn; nâng cấp, cải tạo Bệnh viện đa khoa khu vực miền núi phía Bắc.

******* Khu vực an ninh quốc phòng:**

Bố trí quỹ đất an ninh, quốc phòng trên địa bàn huyện đảm bảo theo quy định hiện hành và các quy hoạch về đất an ninh, quốc phòng có liên quan. Mở rộng trụ sở công an huyện.

7. Định hướng hạ tầng kỹ thuật

a) Chuẩn bị kỹ thuật

* San nền

- Đối với các khu dân cư hiện có: giữ nguyên nền hiện trạng, nếu nền hiện trạng thấp hơn mực nước báo động III, khi cải tạo xây dựng cần nghiên cứu giải pháp tôn nền công trình cao hơn mực nước báo động III là 30cm.

- Đối với khu dân dụng dự kiến xây mới: cao độ nền không chế tối thiểu cao hơn mực nước báo động III là 30cm.

- Đối với các công trình công cộng dự kiến xây mới : cao độ nền không chế tối thiểu cao hơn mực nước báo động III từ 30 -70cm.

- Đối với khu công nghiệp dự kiến: cao độ nền không chế tối thiểu cao hơn mực nước báo động III từ 70-100cm.

- Đối với hệ thống giao thông, nếu tuyến nào có cao độ thấp hơn mực nước báo động III thì nên có dự án nâng cấp cao hơn mực nước báo động III.

- Đối với khu vực đô thị và khu vực trung tâm xã, quy hoạch chiều cao trên toàn khu vực đảm bảo hướng dốc thuận lợi cho việc thoát nước, hạn chế tối thiểu ngập lụt, không ngập úng cục bộ.

** Về hệ thống thoát nước

Hướng thoát nước chung toàn huyện ra sông Vu Gia - sông Yên và sông Thu Bồn, tùy theo điều kiện tự nhiên từng khu vực để tổ chức hướng thoát nước phù hợp.

- Khu vực thị trấn Ái Nghĩa và các khu đô thị mới:

+ Xây dựng hệ thống thoát nước riêng, nước mưa và nước thải sinh hoạt đi riêng để đảm bảo yêu cầu về môi trường cho đô thị;

+ 100% đường nội thị phải có hệ thống thoát nước mưa;

+ Tối thiểu 60% đường ngoại thị phải có hệ thống thoát nước mưa.

+ Hệ thống thoát nước mưa trong các tiểu khu bố trí theo kiểu phân tán, gồm nhiều lưu vực nhỏ để giảm thiểu đường kính mương cống thoát nước cho từng lưu vực;

- Khu vực dân cư làng xóm nông thôn:

+ Đối với khu vực nông thôn, căn cứ Quy hoạch xây dựng nông thôn mới của các xã để xây dựng hệ thống mương tiêu thoát nước cho từng khu vực, đẩy nhanh việc đầu tư xây dựng các hệ thống mương tiêu, nạo vét các mương suối hiện trạng để nâng cao khả năng thoát nước.

+ Xây dựng hệ thống thoát nước theo các trục đường thôn, xóm hiện hữu.

+ Kết hợp với các chương trình mục tiêu, chương trình xây dựng nông thôn mới để kiên cố hóa hệ thống kênh mương tiêu thoát nước.

*** Chuẩn bị kỹ thuật khác:

- Khơi thông các dòng chảy tự nhiên để thoát lũ nhanh vào mùa mưa lũ.

- Đầu tư xây dựng hệ thống kè, trồng cây dọc theo sông suối để tạo cảnh

quan và chống sạt lở tại các vị trí xung yếu của sông Vu Gia và sông Thu Bồn.

- Tạo các hành lang thoát nước dọc theo các khe suối để tiêu thoát nước lũ, không xây dựng công trình gây cản trở dòng chảy khu vực hành lang thoát nước.

- Bố trí hồ điều hòa tạo cảnh quan và điều tiết nước mưa.

- Áp dụng các giải pháp công trình với các giải pháp phi công trình để giảm thiểu thiên tai:

- + Cảnh báo, dự báo giảm nhẹ thiên tai bão lũ: củng cố nâng cấp các trạm thủy văn. Xây dựng mô hình dự báo lũ. Tăng cường tiếp cận với khoa học công nghệ tiên tiến về dự báo bão, mưa lũ để chủ động cảnh báo, phòng tránh. Tăng cường hệ thống thông tin thông suốt đến cấp xã, thôn cùng với việc xây dựng các khu trú lựt cho nhân dân phục vụ các trường hợp khẩn cấp.

- + Phát triển và bảo vệ rừng đầu nguồn.

b) Giao thông

- * Giao thông đối ngoại

- Quốc lộ 14B:

- + Đoạn qua địa bàn huyện dài khoảng 36,52km. Điểm đầu giáp ranh giới xã Hòa Khương, thành phố Đà Nẵng với xã Đại Hiệp; điểm cuối giáp ranh giới xã Đại Sơn với thị trấn Thanh Mỹ, huyện Nam Giang. Quy hoạch đạt tiêu chuẩn cấp IV-III, quy mô 2-4 làn xe (theo Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021).

- + Hệ thống đường gom, đầu nối vào Quốc lộ 14B theo Quy hoạch chung dọc tuyến Quốc lộ 14B và Quy hoạch hệ thống đường gom đã được UBND tỉnh phê duyệt tại các Quyết định số: 2728/QĐ-UBND ngày 05/8/2015, số 2459/QĐ-UBND ngày 05/8/2010, số 2304/QĐ-UBND ngày 12/8/2021.

- Các tuyến đường tỉnh:

- + Đường ĐT609: Điểm đầu giáp giới xã Điện Hồng, huyện Điện Bàn với thị trấn Ái Nghĩa; điểm cuối giáp ranh giới xã Đại Hưng với xã Kà Dăng, huyện Nam Giang. Quy hoạch giữ nguyên tiêu chuẩn cấp IV, III như hiện trạng. Đoạn qua đô thị theo quy hoạch đô thị được duyệt.

- + Đường ĐT609B: Điểm đầu nối vào QL.14B tại Ngã ba Đại Hiệp tại Km30+476; điểm cuối giáp ranh giới xã Đại Hòa với xã Duy Hòa, huyện Duy Xuyên tại Km10+400. Quy hoạch đến năm 2030, nâng cấp tối thiểu đạt tiêu chuẩn cấp III đồng bằng. Đoạn qua đô thị theo quy hoạch đô thị được duyệt.

- + Đường ĐT609C: Điểm đầu giao nhau đường ĐT609B; điểm cuối giáp Quốc lộ 14B ngã ba Cầu Hà Nha, xã Đại Hồng. Quy hoạch đến năm 2030, tiêu chuẩn cấp IV đồng bằng.

- + ĐT604: Mở mới tuyến nối ĐT609 với QL14G và các xã thuộc huyện Đông Giang về hướng Bắc. Định hướng đạt tiêu chuẩn đường cấp V, IV.

- + ĐT605: Quy hoạch kéo dài ĐT.605 đến giáp ĐT.610B (tại vị trí cầu Văn

Ly). Đến năm 2030 đạt tiêu chuẩn đường cấp IV, định hướng sau năm 2030 đạt tiêu chuẩn đường đô thị, quy mô 2-4 làn xe.

+ ĐT605B: Mở mới tuyến đường kết nối QL.14B tại Đại Lộc đến QL.14H tại Duy Xuyên, tuyến đi qua cầu An Bình và cầu Sông Thu theo dự án đang xây dựng, quy hoạch đạt tiêu chuẩn cấp IV.

+ ĐT610B: Tuyến kết nối từ cầu Văn Ly đến ĐT609B, tiêu chuẩn đường cấp IV đồng bằng. Định hướng đạt tiêu chuẩn đường cấp III, đoạn qua khu dân cư theo tiêu chuẩn đường đô thị, quy mô 4 làn xe.

- Hệ thống bến xe

+ Bến xe tại khu vực Gò Mùn (Khu An Đông, thị trấn Ái Nghĩa), quy mô khoảng 2,9 ha.

+ Bến xe Hà Tân tại xã Đại Lãnh, quy mô diện tích khoảng 0,7 ha.

+ Bến xe Đại Chánh, quy mô diện tích khoảng 0,7 ha.

- Các công trình phục vụ giao thông: Tiếp tục quy hoạch và đầu tư xây dựng hoàn thiện các công trình cầu, cống và công trình trên các tuyến đường để đồng bộ hạ tầng kỹ thuật tại khu vực, phục vụ giao thông đi lại và phát triển kinh tế - xã hội.

- Đường sông

+ Theo Quy hoạch kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31/10/2021, sông Thu Bồn (từ ngã ba sông Vĩnh Điện đến phà Nông Sơn), quy hoạch sông cấp IV.

+ Theo Quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 72/QĐ-TTg ngày 17/01/2024: Sông Vu Gia (điểm đầu ngã ba Quảng Huế, điểm cuối Bến Giằng), sông Yên (điểm đầu ngã ba Quảng Huế, điểm cuối tại xã Đại Hiệp) được quy hoạch sông cấp VI.

+ Các bến do huyện Đại Lộc quản lý gồm: Bến Giao thủy, Bến Hà Nha, Bến Ái Nghĩa, Bến Hà Tân, Bến Phú Thuận, Bến Trường An.

**** Giao thông đối nội**

- Đường huyện: các tuyến đường ĐH được quy hoạch thông suốt từ trung tâm huyện đến các trung tâm xã và khớp nối với các tuyến giao thông liên xã, liên thôn tạo thuận lợi cho việc vận chuyển hàng hoá và đi lại của nhân dân.

+ Giai đoạn đến năm 2025, đầu tư một số tuyến đường ĐH đạt tối thiểu tiêu chuẩn đường cấp V đồng bằng, gồm các tuyến: ĐH1, ĐH2, ĐH3, ĐH4, ĐH5, ĐH6, ĐH7, ĐH8, ĐH9, ĐH11, ĐH13, ĐH16.

+ Giai đoạn 2026-2030 và sau năm 2030, tiếp tục đầu tư nâng cấp một số tuyến đường ĐH đạt tối thiểu tiêu chuẩn đường cấp V đồng bằng, gồm các tuyến: ĐH10, ĐH12, ĐH14, ĐH15, ĐH17, ĐH19, ĐH20.

+ Đối với các tuyến đường còn lại: Từng bước đầu tư, nâng cấp và duy trì,

hoàn thiện hệ thống đảm bảo đạt tiêu chuẩn tối thiểu cấp VI-V đồng bằng.

- Giao thông nội thị: Gồm hệ thống các tuyến nội thị hiện trạng, kết nối các trục đối ngoại, hệ thống các tuyến ĐT, ĐH, ĐX hình thành mạng lưới giao thông thông suốt thuận lợi cho toàn khu vực; các tuyến ĐT, ĐH, ĐX qua phạm vi đô thị, các tuyến thuộc các dự án trọng điểm và các khu chức năng được quy hoạch và quản lý theo tiêu chuẩn đường đô thị.

c) Cấp nước

- Cấp nước khu vực đô thị Ái Nghĩa: Đầu tư nâng cấp nhà máy cấp nước Ái Nghĩa lên 10.000m³/ngày đêm cho giai đoạn đến 2030.

- Cấp nước khu vực tiểu vùng II, III: Đầu tư xây dựng Nhà máy nước Động Hà Sóng với công suất thiết kế dự kiến 20.000m³/ngày đêm, nhà máy nước Phú Thuận (xã Đại Thắng) công suất 7.000 m³/ngày đêm; nhà máy nước Hà Tân (xã Đại Lãnh) công suất 2.000 m³/ngày đêm; nhà máy nước Giao Thủy (xã Đại Hòa) công suất 2.000 m³/ngày đêm; nhà máy nước Sông Vu Gia (xã Đại Hồng) công suất 4.800 m³/ngày đêm.

- Tiếp tục nâng cấp, đầu tư xây dựng mới một số nhà máy cấp nước tập trung để cấp nước sạch cho khu vực nông thôn. Vị trí, quy mô công suất và phạm vi cấp nước của từng nhà máy được xem xét ở từng dự án cụ thể.

d) Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trạng

* Thoát nước thải

- Đối với nước thải sinh hoạt các khu đô thị

- + Khu vực thị trấn Ái Nghĩa: dự kiến 04 trạm xử lý nước thải. Cụ thể:

- (1) TXLNT SH-HT: hiện tại công suất: 204m³/ngđ, dự kiến giai đoạn 2030 nâng công suất lên 1.800 m³/ngđ;

- (2) TXLNT SH-1: dự kiến giai đoạn 2030 công suất 1.300 m³/ngđ;

- (3) TXLNT SH-2: dự kiến giai đoạn 2030 công suất 1.700 m³/ngđ;

- (4) TXLNT SH-3: dự kiến giai đoạn 2030 công suất 1.850 m³/ngđ.

- + Khu vực trung tâm cụm xã Đại Hiệp: toàn bộ nước thải lưu vực xã Đại Hiệp tập trung về TXLNT SH-4 để xử lý trước khi xả ra môi trường. Dự kiến xây dựng 1 trạm xử lý (TXLNT SH-4) cho xã Đại Hiệp công suất giai đoạn 2030: 1.900m³/ngày-đêm.

- Đối với nước thải sinh hoạt các khu dân cư nông thôn

- + Khu dân cư tập trung mới phải xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa để tổ chức đầu nối thu gom và vận chuyển nước thải, đáp ứng nhu cầu thoát nước trong khu vực.

- + Khu dân cư tập trung hiện hữu đã có mạng lưới thoát nước chung sẽ dần dần đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo, mở rộng thành hệ thống thoát nước riêng để thu gom, vận chuyển nước thải về trạm xử lý nước thải tập trung.

- Đối với nước thải sản xuất trong cụm công nghiệp: toàn bộ nước thải công

nghiệp sẽ được xử lý cục bộ tại mỗi nhà máy trước khi đổ vào hệ thống thoát nước thải của khu vực dẫn đến trạm xử lý nước thải công nghiệp của từng khu công nghiệp. Dự kiến cho từng lưu vực như sau:

+ Lưu vực 1: gồm các CCN của xã Đại Nghĩa và Đại Hiệp (Đại Hiệp). Trạm xử lý nước thải công nghiệp 1 (TXLNT CN-1), công suất: 5.600m³/ngđ.

+ Lưu vực 2: Gồm các KCN của xã Đại Đồng và Đại Quang. Trạm xử lý nước thải công nghiệp 2 (TXLNT CN-2), dự kiến công suất: 7.500m³/ngđ.

+ Lưu vực 3: Khu CN Đại Sơn, nước thải tập trung về trạm xử lý nước thải công nghiệp (TXLNT CN-3), dự kiến công suất: 3.900m³/ngđ.

+ Riêng 5 cụm công nghiệp CCN của xã Đại Tân và Đại Phong xử lý cục bộ trên nguyên tắc tuân thủ quy định hiện hành về xử lý nước thải công nghiệp.

- Đối với nước thải chăn nuôi: Xử lý đảm bảo quy chuẩn về môi trường, có thể sử dụng năng lượng tái tạo sau xử lý, tái sử dụng nước thải chăn nuôi cho cây trồng được quy định theo QCVN 01-195:2022/BNNT.

**** Quy hoạch xử lý chất thải rắn:** dự kiến thu gom 100% đối với khu vực nội thị và 80% đối với khu vực ngoại thị. Theo Quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt tại Quyết định số 72/QĐ-TTg ngày 17/1/2024 của Thủ tướng Chính phủ:

- Xử lý chất thải rắn sinh hoạt: Nhà máy xử lý chất thải rắn Bắc Quảng Nam tại thị trấn Ái Nghĩa, diện tích 3,8ha.

- Nhà máy tái chế dầu công nghiệp, dầu thải và tiêu huỷ chất thải rắn nguy hại tại xã Đại Hiệp diện tích 1,7ha.

- Khu chôn lấp rác thải Đại Hiệp tại Thị trấn Ái Nghĩa diện tích 11,7ha.

***** Nghĩa trang nhân dân**

- Việc quy hoạch hệ thống nghĩa trang nhân dân phải phù hợp với các yếu tố địa hình, điều kiện đất đai và một yếu tố quan trọng là phong tục tập quán và văn hóa tâm linh của người dân trong vùng. Đối với các xã, nghĩa trang nhân dân của xã được thực hiện theo quy hoạch chung xây dựng xã và phải đảm bảo quy định về vệ sinh môi trường theo QCVN 01:2021/BXD của Bộ Xây dựng và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan. Hạn chế đầu tư phân tán, tập trung đầu tư các nghĩa trang cấp huyện, cấp vùng theo Chỉ thị số 27-CT/TU ngày 08/4/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về tăng cường lãnh đạo công tác quản lý quy hoạch, xây dựng, sắp xếp và quản lý nghĩa trang nhân dân trên địa bàn tỉnh.

- Khoanh vùng và đóng cửa các khu nghĩa trang nhân dân phân tán, gần khu dân cư và khu vực sản xuất. Tổ chức quy hoạch chỉnh trang các khu nghĩa trang trên địa bàn huyện và xây dựng quy chế quản lý để tổ chức thực hiện.

e) Cấp điện và chiếu sáng

- Phát triển hệ thống công trình cấp điện theo hướng đồng bộ, hiện đại đáp ứng yêu cầu điện sinh hoạt, sản xuất trên địa bàn huyện theo Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh.

- Nâng công suất trạm 110/22kV Đại Lộc 1x25MVA lên 2x25MVA (giai

đoạn 2026-2030).

- Xây dựng mới 01 TBA 110kV công suất 1x40MVA (giai đoạn 2031-2035).

g) Quy hoạch hệ thống hạ tầng viễn thông

- Xây dựng và phát triển hệ thống hạ tầng viễn thông có công nghệ hiện đại; có độ bao phủ rộng khắp trên địa bàn huyện. Thực hiện từng bước việc ngầm hóa hạ tầng mạng cáp viễn thông trong khu vực đô thị.

- Đối với khu vực cần phải di dời hạ tầng mạng cáp viễn thông khi thực hiện quy hoạch: phải xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông (ngầm hoặc treo) để bố trí cáp viễn thông phát triển theo quy hoạch.

8. Các vấn đề có liên quan biện pháp bảo vệ môi trường

- Đánh giá môi trường chiến lược:

- + Các giải pháp để kiểm soát ô nhiễm, phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai.

- + Chất lượng môi trường nước: quản lý việc xả nước thải vào nguồn tiếp nhận, kiểm soát việc thu gom chất thải rắn tại các hộ gia đình để tránh tình trạng xả rác bừa bãi xuống sông hồ, ống cống... Đảm bảo diện tích cây xanh đúng tiêu chuẩn.

- + Chất lượng môi trường không khí, tiếng ồn: kiểm soát ô nhiễm trong quá trình xây dựng các dự án, giáo dục ý thức người dân phải tuân thủ các quy định luật giao thông nhằm tránh ùn tắc, an toàn khi di chuyển, trồng cây xanh cách ly, cây xanh ven đường để giảm nồng độ chất ô nhiễm trong không khí tại các tuyến giao thông có mật độ cao.

- Các vấn đề có liên quan biện pháp bảo vệ môi trường, phải thực hiện:

- + Đảm bảo các yêu cầu về phòng chống thiên tai theo quy định và Quyết định số 11/2023/QĐ-UBND ngày 10/5/2023 của UBND tỉnh;

- + Đảm bảo các yêu cầu về ứng phó biến đổi khí hậu theo quy định và Quyết định số 2579/QĐ-UBND ngày 21/9/2020 của UBND tỉnh; các phương án ứng phó với thiên tai theo các cấp độ trên địa bàn tỉnh Quảng Nam tại Quyết định số 2078/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND tỉnh Quảng Nam.

- + Nghiên cứu chỉnh trang, xây dựng hệ thống thủy lợi kết hợp tiêu thoát nước phù hợp theo từng giai đoạn phát triển;

- + Phát triển đô thị phải đồng bộ với giải pháp hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật;

- + Định kỳ đánh giá và đề xuất các giải pháp hạn chế các tác động về môi trường trong quá trình phát triển.

9. Danh mục dự án ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện

a) Các chương trình ưu tiên đầu tư

Tập trung đầu tư xây dựng về hệ thống hạ tầng kỹ thuật như giao thông, kè dọc sông, thủy lợi và hoàn thiện khớp nối hệ thống hạ tầng khung; đầu tư xây dựng một số công trình dự án; công trình an sinh xã hội theo đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Đại Lộc đến năm 2030.

b) Nguồn vốn thực hiện: nguồn vốn Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn khác.

Điều 2. Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Đại Lộc giai đoạn đến năm 2030.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. UBND huyện Đại Lộc chịu trách nhiệm

- Công bố công khai hồ sơ quy hoạch xây dựng vùng huyện Đại Lộc giai đoạn đến năm 2030 theo đúng quy định hiện hành, đối với những nội dung thuộc bí mật nhà nước phải bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước; tổ chức bàn giao hồ sơ, tài liệu quy hoạch cho địa phương, các đơn vị liên quan làm cơ sở để quản lý và tổ chức thực hiện theo quy hoạch được duyệt và đúng quy định pháp luật.

- Xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện quy hoạch xây dựng phát triển đô thị, nông thôn, khu chức năng theo quy hoạch xây dựng vùng huyện được duyệt theo quy định tại Điều 48, Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 28, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018, Điều 28 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật và UBND tỉnh về tính chính xác của các nội dung, thông tin, dữ liệu, số liệu, tài liệu, hệ thống sơ đồ, bản đồ, bản vẽ, cơ sở dữ liệu trong hồ sơ đồ án quy hoạch (quy mô diện tích, ranh giới hành chính huyện, thị trấn, các xã, hiện trạng sử dụng đất, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, hiện trạng đất lâm nghiệp, đất lúa, môi trường,...) bảo đảm tuân thủ theo quy định pháp luật về quy hoạch xây dựng hiện hành và các quy định pháp luật có liên quan, đảm bảo đầy đủ thông tin, nội dung hồ sơ quy hoạch xây dựng vùng huyện theo quy định tại Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

2. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị liên quan theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát UBND huyện Đại Lộc quản lý quy hoạch xây dựng vùng huyện Đại Lộc được duyệt theo quy định.

3. Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Lao động, Thương binh và Xã hội, Thông tin và Truyền thông; Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Công an tỉnh và các Sở, Ban, ngành, đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao theo dõi, hướng dẫn, phối hợp với UBND huyện Đại Lộc trong quá trình quản lý và tổ chức thực hiện theo đúng quy hoạch được duyệt.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Văn hóa, Thể thao và Du

lich, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công thương, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Thông tin và Truyền thông, Lao động - Thương binh và Xã hội; Trưởng ban Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh; Chỉ huy Trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Đại Lộc và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CPVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KTTH, KTN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Văn Dũng